

Câu chữ 把

Bài tập:
Điền vào chỗ trống

(1) 她_____书放在_____桌子上了。

Tā_____shū fàngzài_____ zhuōzi shang le.

把

(2) 我_____书_____看完了。

Wǒ_____shū_____ kàn wán le.

把

(3) 请_____你_____上次借的书还了。

Qǐng_____nǐ_____shàng cì jiè de shū huán le.

把

(4) 昨天_____他_____我的鞋子还了。

Zuó tiān_____ tā_____ wǒ de xié zi huán le.

把

(5) 你_____别_____本子放在椅子下。

Nǐ_____bié_____běnzi fàng zài yǐzi xià.

把